TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn Hữu Thi;

2/- Bà Trần Thị Cẩm Lệ.

- Thư ký phiên tòa: *Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: chị **Đỗ Thị Thu T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp H, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: anh **Hà Văn Th,** sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp H, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị T và anh Th vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu T trình bày: Chị và anh Hà Văn Th cưới nhau vào năm 2000, đến năm 2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội. Đầu năm 2013 đến nay phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cải. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không hòa giải hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn với anh Hà Văn Th.

Về con chung: giữa chị và anh Th có 02 con chung tên Hà Đỗ Anh D sinh ngày 17/12/2000 và Hà Đỗ Anh H sinh ngày 11/12/2003. Cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, cháu H hiện do anh Th nuôi dưỡng nên chị đồng ý giao cho anh Th trực tiếp nuôi khi ly hôn, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị T đã giao nộp: 01 bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2003 của Ủy ban nhân dân xã T; 01 bản sao giấy khai sinh cháu Hà Đỗ Anh D và 01 bản sao giấy khai sinh cháu Hà Đỗ Anh H.

* Bị đơn, anh Hà Văn Th không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

- Chị Đỗ Thị Thuy T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh Hà Văn Th vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đỗ Thị Thuy T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Anh Hà Văn Th là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th.

[2]. Giữa chị Đỗ Thị Thu T và anh Hà Văn Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Cai Lậy.

Theo trình bày của chị T tại đơn khởi kiện và bản tự khai xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên tranh cãi, tình cảm vợ chồng không hòa giải hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Anh Phong không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa.

Thấy rằng: anh Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Kết quả xác minh tại địa phương đã xác định giữa chị T và anh Th đã sống ly thân nhau từ năm năm nay nên lời trình bày của chị T về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Th không còn khả năng hàn gắn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anhTh.

[3]. Về con chung: Giữa chị T và anh Th có 02 con chung trong đó có 01 cháu đã trưởng thành, hiện cháu Hà Đỗ Anh H sinh ngày 11/12/2003 do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu tiếp tục giao cháu H cho anh Th nuôi.

Anh Th không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Thấy rằng: Cháu Hà Đỗ Anh H sinh ngày 11/12/2003 hiện đang sống ổn định bên gia đình anh Th, cháu Huy có bản khai xác định nguyện vọng được sống chung ông, bà nội nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình tiếp tục giao cháu H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Th chưa có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Đỗ Thị Thu T được ly hôn với anh Hà Văn Th.

2. Giao cháu Hà Đỗ Anh H sinh ngày 11/12/2003 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02047 ngày 03/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Chị T và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT